TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 267/2026/HNGĐ- ST

Ngày 16/07/2026

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Lê Quang Nhật**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Phan Ngọc Minh**

2. Bà Phan Thị Ngọc Cẩm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nhật Linh –Thư ký Tòa án nhân dân Khu Vực 5 – An Giang.

Ngày 16 tháng 07 năm 2026. Tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 5 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 552/2025/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 về vụ kiện: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình – Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 333/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Danh C**, sinh năm 1999 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H L, xã Đ H, tỉnh An Giang.

***- Bị Đơn*:** Chị **Thị Mỹ N**, sinh năm 2002 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C T, xã G R, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Danh C trình bày: Tôi và cô Thị Mỹ N chung sống với nhau vào năm 2024, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T Q, huyện G Q, tỉnh Kiên Giang vào ngày 15/02/2024, vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Trước khi cưới, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước mới tiến tới hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc. Đến cuối năm 2024, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế, bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt gia đình. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2024 cho đến nay.

Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa anh C yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: tôi yêu cầu được ly hôn với cô Thị Mỹ N.

Về quan hệ con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Bị đơn chị Thị Mỹ N trình bày**: Tòa án đã tống đạt các văn bản cho chị Thị Mỹ N theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác Tòa án nhân dân Khu Vực 5 – An Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** chị Thị Mỹ N với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay chị N vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn chị Thị Mỹ N, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ". Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Thị Mỹ N là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Xét lời yêu cầu của anh C về quan hệ hôn nhân, anh C yêu cầu được ly hôn với chị Thị Mỹ N là có cơ sở chấp nhận vì theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được". Xét thấy do tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị N hiện đang rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng mâu thuẫn về tiền bạc, kinh tế, bất đồng trong cuộc sống sinh hoạt gia đình. Từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy lời yêu cầu của anh C xin được ly hôn với chị N được Tòa án chấp thuận.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung**: Do anh C và chị N không có tài sản chung và không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm**: Anh C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0011757 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh C đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Danh C.

2. Về quan hệ hôn nhân: Anh Danh C và chị Thị Mỹ N được ly hôn.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc anh Danh C nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011757 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh C đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho anh Danh C biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho chị Thị Mỹ N biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang
- VKSND Khu Vực 5-An Giang.
- Phòng THADS Khu Vực 5-An Giang
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quang Nhật